

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VY
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 01-12-2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VY , TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn
2. Ông Nguyễn Ngọc Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện VY .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VY , tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang– Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VY xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 265/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 cùng quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tr1 , sinh năm 1987 (có mặt)

HKTT: Tổ dân phố SH , thị trấn N , huyện VY , tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Anh Đỗ Đức T1 , sinh năm 1982 (vắng mặt)

HKTT: Tổ dân phố 1, thị trấn BĐ , huyện VY , tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2020 và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Tr1 trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh T1 kết hôn với nhau ngày 08/6/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn BĐ , huyện VY , tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới vợ chồng chị được tìm hiểu nhau khoảng 03 tháng. Sau khi tổ chức cưới chị về làm dâu gia đình nhà anh T1 ngay và vợ chồng

chung sống cùng mẹ anh T1 . Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau trong cách sống, anh T1 là người sống vô trách nhiệm, không quan tâm gì tới vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1 . Anh T1 hiện nay ở đâu, làm gì chị không rõ địa chỉ nhưng thi thoảng chị vẫn liên lạc được với anh T1 để nói chuyện với con.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Đỗ Cẩm A1 , sinh ngày 13/12/2015. Hiện nay cháu Cẩm A1 đang ở cùng với anh T1 , ở đâu chị không biết địa chỉ. Trước thời điểm làm đơn ly hôn thì cháu Cẩm A1 vẫn ở cùng chị nhưng sau khi chị làm đơn ly hôn thì anh T1 đã mang cháu Cẩm A1 đi cùng anh T1 . Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Cẩm A1 và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác: Chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Anh Đỗ Đức T1 đã được Tòa án niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải....nhưng anh T1 không đến Tòa án làm việc và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì. Việc anh T1 không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Xác minh tại Tổ dân phố 1, thị trấn BD , huyện VY được biết anh T1 và chị Tr1 có tổ chức cưới tại địa phương và chung sống cùng bố mẹ anh T1 . Tuy nhiên, hiện nay bố anh T1 đã chết còn mẹ anh T1 đi đâu, làm gì địa phương không rõ. Anh T1 cũng đã không sống ở địa phương một thời gian nhưng hộ khẩu của anh T1 vẫn tại Tổ dân phố 1, thị trấn BD , chưa chuyển khẩu đi đâu và cũng không xin tạm vắng tại địa phương. Còn chị Tr1 thì đã về thị trấn N ở. Quá trình chung sống tại địa phương thì không thấy anh T1 chị Tr1 có mâu thuẫn gì. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Xác minh tại thôn SH , thị trấn N , huyện VY được biết anh Đỗ Đức T1 có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố 1, thị trấn BD , huyện VY là chồng chị Nguyễn Thị Tr1 (con gái ông Nguyễn Văn Tòng) ở thôn SH , thị trấn N . Địa phương không nắm được thông tin anh T1 có về địa phương sinh sống hay không vì anh T1 chị Tr1 không khai báo tạm trú hay báo cáo chính quyền địa phương.

Xác minh tại Công an thị trấn N được biết anh Đỗ Đức T1 , sinh năm 1982 có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 1, thị trấn BD , huyện VY không đăng ký tạm trú tại thị trấn N , huyện VY . Qua rà soát kiểm tra sổ đăng ký tạm trú, sổ đăng ký nhân khẩu và cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư không có thông tin của anh Đỗ Đức T1 .

Xác minh tại Cục xuất nhập cảnh – Bộ Công an được biết anh Đỗ Đức T1 , sinh năm 1982 không có thông tin về xuất nhập cảnh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị Tr1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Cụ thể về quan hệ vợ chồng chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Đức T1 vì vợ chồng ly thân đã lâu, không còn quan tâm tới nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung cháu Đỗ Cẩm A1 , sinh ngày 13/12/2015 hiện đang ở cùng anh T1 và tạm thời do không biết địa chỉ cụ thể của anh T1 ở đâu nên chị đồng ý để anh T1 nuôi con. Sau này nếu biết địa chỉ cụ thể của anh T1 chị sẽ làm đơn đề nghị thay đổi nuôi con sau. Vấn đề cấp dưỡng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Đỗ Đức T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện VY phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành phát luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Tr1 được ly hôn anh Đỗ Đức T1 .

Về con chung: Giao anh Đỗ Đức T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Cẩm A1 , sinh ngày 13/12/2015. Chị Tr1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T1 .

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr1 phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Tr1 xin ly hôn anh Đỗ Đức T1 và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung của vợ chồng nên đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn anh Đỗ Đức T1 có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 1, thị trấn BD , huyện VY , tỉnh Bắc Giang nên theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện VY , tỉnh Bắc Giang.

Về việc xét xử vắng mặt anh Đỗ Đức T1 : Anh T1 đã được niêm yết triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Tr1 trình bày chị và anh T1 kết hôn với nhau ngày 08/6/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn BĐ , huyện VY , tỉnh Bắc Giang. Chị Tr1 cũng đã cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bản gốc nên quan hệ hôn nhân giữa chị Tr1 và anh T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị Tr1 xin ly hôn, anh T1 đã được niêm yết triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không lên làm việc, không có bản tự khai thể hiện quan điểm, ý kiến. Việc anh T1 không lên làm việc, không có bản tự khai thể hiện ý kiến, quan điểm là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình và cũng chứng tỏ anh T1 không có mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Do đó, việc chị Tr1 xác định vợ chồng đã ly thân từ lâu, không còn tình cảm và mục đích hôn nhân không đạt được là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr1 .

[3] Về con chung: Chị Tr1 anh T1 có 01 con chung là cháu Đỗ Cẩm A1 , sinh ngày 13/12/2015. Hiện nay cháu Cẩm A1 đang ở cùng anh T1 . Ly hôn, chị Tr1 đồng ý để anh T1 tạm thời nuôi con do chị chưa cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T1 . Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Cẩm A1 hiện đang ở cùng anh T1 , tuy nhiên chị Tr1 không biết địa chỉ cụ thể của anh T1 hiện nay ở đâu mà chỉ thi thoảng liên lạc được với anh T1 thông qua điện thoại. Do chị Tr1 không xác định được địa chỉ cụ thể của anh T1 ở đâu nên việc giao con cho chị Tr1 là sẽ không đảm bảo được công tác thi hành án. Do vậy, cần giao con cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng trong trường hợp này là phù hợp. Khi nào chị Tr1 có thông tin về nơi ở cụ thể của anh T1 thì chị có quyền làm đơn đề nghị thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng chị Tr1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị Nguyễn Thị Tr1 không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Tr1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Tr1 được ly hôn anh Đỗ Đức T1.

Về con chung: Giao anh Đỗ Đức T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Cẩm A1, sinh ngày 13/12/2015. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị Tr1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0001375 ngày 13/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VY. Chị Tr1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo thời hạn kháng cáo là 15 ngày cho đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt biết thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện VY ;
- Chi cục THADS huyện VY ;
- UBND thị trấn BĐ ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên

